| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 107/2026/DS-ST
Ngày: 28-4-2026
*V/v chấp hợp đồng mua bán tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Ngô Minh Lên
Ông Phạm Minh Vũ
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2026/TLST-DS, ngày 27 tháng 01 năm 2026 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Đại H**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số C, khu vực T, phường K, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Dương Thanh T**, sinh năm 2001; Địa chỉ: Số C, khu vực T, phường K, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1965. (vắng mặt)
Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1960. (vắng mặt)
Bà **Trần Thị Phương T1**, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu vực T, phường K, thành phố Cần Thơ;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 27/8/2025 cũng như quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Dương Anh T2 trình bày*: Từ năm 2016 Hộ kinh doanh ông H mua bán thức ăn thủy sản mang thương hiệu Việt Hoa và

các loại thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Trần Văn C, bà Võ Thị L và bà Trần Thị Phương T1. Theo thỏa thuận hộ kinh doanh ông H bán thức ăn nuôi tôm cho gia đình ông C. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở đến nhà ông C hoặc nhờ người nhà đến lấy hàng. Sau mỗi vụ thu tôm gia đình ông C phải thanh toán hết tiền hàng cho hộ kinh doanh ông H. Trường hợp nuôi thất vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Hai bên giao dịch từ năm 2016 đến ngày 05/11/2018, gia đình ông C còn nợ lại số tiền mua hàng hóa là 64.492.000 đồng. Ngày 05/11/2018 hai bên tiến hành xác nhận công nợ. Trong quá trình mua bán thức ăn cho tôm và các loại thuốc thủy sản, ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của gia đình ông C. Sau khi nhận hàng ông C, bà L và bà T1 đều không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà phía ông H đã giao. Tuy nhiên, sau mỗi vụ thu tôm và khi đến hạn thanh toán ông C, bà L và bà T1 đã không thanh toán tiền hàng cho ông H theo thỏa thuận đã ký. Ông H đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông C, bà L và bà T1 trả tiền hàng còn nợ nhưng đến nay ông C, bà L và bà T1 vẫn cố tình không thanh toán.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn C, bà Võ Thị L và bà Trần Thị Phương T1 cùng liên đới trả cho ông H số tiền mua hàng hóa còn nợ là 64.492.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất là 0,83%/ tháng, (tạm tính từ ngày 05/11/2018 đến ngày 05/8/2025 là: 81 tháng x 0,83% x 64.492.000 đồng = 43.357.972 đồng). Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 5/8/2025 là 107.849.972 đồng. Yêu cầu ông Trần Văn C, bà Võ Thị L và bà Trần Thị Phương T1 trả cho ông H một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến ngày 28/4/2026 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 64.492.000 đồng, đối với tiền lãi xin rút lại không yêu cầu tính lãi.

*- Bị đơn ông Trần Văn C, bà Võ Thị L, bà Trần Thị Phương T1 vắng mặt tại các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Văn C, bà Võ Thị L, bà Trần Thị Phương T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, người đại diên theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng  sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trần Đại H với bị đơn ông Trần Văn C, bà Võ Thị L, bà Trần Thị Phương T1 là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở khu vực T, phường K, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung vụ án: Từ năm 2016 - 2018 Hộ kinh doanh T3 có mua bán thức ăn thủy sản mang thương hiệu Việt Hoa và các loại thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Trần Văn C, bà Võ Thị L và bà Trần Thị Phương T1, gia đình ông C còn nợ lại số tiền mua hàng hóa là 64.492.000 đồng. Ngày 05/11/2018 hai bên có tiến hành xác nhận công nợ. Nay nguyên đơn ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn C, bà Võ Thị L và bà Trần Thị Phương T1 cùng liên đới trả cho ông H số tiền mua hàng hóa còn nợ là 64.492.000 đồng.

Thấy rằng bị đơn ông Trần Văn C, bà Võ Thị L và bà Trần Thị Phương T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, các đương sự đã nhận văn bản của Tòa án nhưng từ chối ký tên vào biên bản giao và các đương sự cũng không có ý kiến trình bày, mặc nhiên các đương sự đã thừa nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đồng ý trả nợ, đối với nguyên đơn chứng minh được các bị đơn còn nợ nguyên đơn là cung cấp bảng đối chiếu xác nhận công nợ có bà Trần Thị Phương T1 xác nhận vào ngày 15/11/2018, tình tiết nêu trên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] Đối với nợ lãi: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần lãi suất và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông C, bà L, bà T1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật. Bị đơn ông C, bà L, bà T1 phải cùng liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, do ông C và bà L là người cao

tuổi nhưng không có đơn xin miễn nộp tiền án phí gửi đến Tòa án nên các bị đơn ông C và bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H đối với bị đơn ông Trần Văn C, bà Võ Thị L và bà Trần Thị Phương T1.

Buộc các bị đơn ông Trần Văn C, bà Võ Thị L và bà Trần Thị Phương T1 cùng liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 64.492.000 đồng (sáu mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Trần Văn C, bà Võ Thị L và bà Trần Thị Phương T1 phải cùng liên đới trả lãi suất theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H đối với số tiền lãi 43.357.972 đồng (bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.696.249 đồng (Hai triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng).

- Bị đơn ông Trần Văn C, bà Võ Thị L và bà Trần Thị Phương T1 phải cùng liên đới chịu án phí là 3.224.600 đồng (ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được niêm yết hợp lệ. Để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP Cần Thơ (Phòng GĐTTKT&THA);
- VKSND khu vực 8- Cần Thơ;
- Đương sự;
- THADS TP Cần Thơ (Khu vực 8);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Chiêu Hùng**